

Số: /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kết quả Bộ chỉ số theo dõi - đánh giá
Nước sạch nông thôn tỉnh Đắk Lắk năm 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 4826/QĐ-BNN-TCTL ngày 07/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá nước sạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 04/4/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành kế hoạch thực hiện công tác thu thập, cập nhật bộ chỉ số theo dõi, đánh giá nước sạch nông thôn năm 2023;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 825/SNN-TTN ngày 13/3/2024 về xem xét phê duyệt Kết quả Bộ chỉ số theo dõi-đánh giá nước sạch nông thôn năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt kết quả Bộ chỉ số theo dõi - đánh giá nước sạch nông thôn tỉnh Đắk Lắk năm 2023, với nội dung như sau:

Chỉ số 1: Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh (bao gồm cả hộ sử dụng nước sạch): 97,15% (334.637/344.457 hộ).

1.1. Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh từ công trình cấp nước tập trung: 16,09% (55.434/344.457 hộ).

1.2. Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh từ công trình cấp nước nhỏ lẻ: 81,06% (279.203/344.457 hộ).

Chỉ số 2: Tỷ lệ Hộ gia đình sử dụng nước sạch đáp ứng Quy chuẩn Việt Nam: 25,67% (88.409/344.457 hộ).

2.1. Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung: 14,01% (48.265/344.457 hộ).

2.2. Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước nhỏ lẻ: 11,65% (40.144/344.457 hộ).

Chỉ số 3: Tỷ lệ hộ nghèo sử dụng nước hợp vệ sinh (bao gồm cả hộ sử dụng nước sạch): 91,21% (39.782/43.618 hộ).

Chỉ số 4: Tỷ lệ hộ nghèo sử dụng nước sạch đáp ứng QCVN: 15% (6.492/43.618 hộ).

Chỉ số 5: Tỷ lệ các công trình cấp nước tập trung hoạt động:

- Bền vững: 36,7% (47/128 công trình).
- Tương đối bền vững: 11,7% (15/128 công trình).
- Kém bền vững: 10,9% (14/128 công trình).
- Không hoạt động: 40,6% (52/128 công trình).

() Tổng số công trình thống kê năm 2023 là 215 công trình, trong đó chỉ đánh giá 128 công trình được đầu tư hoàn chỉnh theo tiêu chí quy định, còn 87 công trình đầu tư chưa hoàn chỉnh không đánh giá. Năm 2023 chỉ đưa vào thống kê các công trình cấp nước tập trung cấp nước cho người dân vùng nông thôn, không đưa vào tổng hợp danh mục các công trình cấp nước cho người dân vùng đô thị.*

(Có các Phụ lục chi tiết kết quả kèm theo)

Điều 2. Bộ chỉ số công bố tại Điều 1 nêu trên là cơ sở thực hiện công tác xây dựng kế hoạch, ban hành các chủ trương, chính sách liên quan và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới về chỉ tiêu hộ dân sử dụng nước sạch.

Điều 3. Trách nhiệm cập nhật Bộ chỉ số hàng năm

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện cập nhật thông tin Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá nước sạch nông thôn hàng năm trên địa bàn tỉnh, báo cáo kết quả cho UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

2. Sở Tài chính phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cân đối ngân sách để thực hiện cập nhật Bộ chỉ số hàng năm theo đúng quy định hiện hành.

3. UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm điều tra, cập nhật các chỉ số theo quy định của địa phương gửi về UBND tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) tổng hợp báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Chánh văn phòng điều phối Nông thôn mới, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ NN&PTNT (b/c);
- Trung tâm Quốc gia NS&VSMTNT (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm NS&VSMTNT tỉnh;
- Các phòng: CN, KT, TH;
- Lưu: VT, NNMT (đ_5b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn